TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11 – VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 17 - 12 - 2025
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 – VĨNH LONG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thắng.

2. Ông Thạch Thanh Long.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Phước Thành là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 – Vĩnh Long.

Ngày 17 tháng 12 năm 2025, tại Tòa án nhân dân khu vực 11 – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 112/2025/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2025 về việc "*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 176/2025/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Lê Thị Trúc L, sinh năm 1981; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp Dừa Đỏ 1, xã Nhị L, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn*: Anh Lê Văn G, sinh năm 1980; (vắng mặt không có lý do)

Địa chỉ: Ấp Dừa Đỏ 1, xã Nhị L, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***- Theo đơn khởi kiện và lời khai của chị Lê Thị Trúc L là nguyên đơn như sau*:**

Vào năm 2004 chị L có xác lập quan hệ hôn nhân với anh Lê Văn G và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã Nhị L, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh (nay là xã Nhị L, tỉnh Vĩnh Long) vào ngày 16/02/2004. Trong quá trình chung sống chị L và anh G có 03 người con chung tên Lê Thị Cẩm T, sinh ngày 16/12/2003; Lê

Thị Cẩm Ng, sinh ngày 13/7/2006 và Lê Phú Qu, sinh ngày 13/01/2008 hiện Phú Qu đang sống với anh Lê Văn G.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên đến năm 2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, thường xảy ra cải vã. Do vợ chồng không còn hạnh phúc nên chị L yêu cầu được ly hôn với anh Lê Văn G.

Về con chung: Các con chung của chị L, anh G tên Lê Thị Cẩm T và Lê Thị Cẩm Ng đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Riêng đối với con chung tên Lê Phú Qu, sinh ngày 13/01/2008 chị L đồng ý giao cho anh Lê Văn G tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, chị L đồng ý cấp dưỡng nuôi con với số tiền 2.000.000 đồng/tháng đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Chị L khai không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung phải thu, phải trả: Chị L khai vợ chồng chị không có nợ ai và không ai nợ vợ chồng chị L nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Anh Lê Văn G là bị đơn vắng mặt và không cung cấp văn bản ghi ý kiến của mình.

- Lê Phú Quí là con chung của chị L và anh G trình bày nguyện vọng được tiếp tục sống chung với cha ruột là anh Lê Văn G.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét thấy anh Lê Văn G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt anh G.

Về quan hệ pháp luật: Chị L khởi kiện anh G để yêu cầu được ly hôn và giải quyết về việc nuôi con khi ly hôn, tài sản chung không yêu cầu giải quyết. Xét thấy đây là vụ án ly hôn và tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Vĩnh Long theo quy định tại các Điều 28, 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Trúc L và anh Lê Văn G chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn đúng theo quy định của pháp luật nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh G do do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, thường xảy ra cải vã nên đã ly thân với nhau nhiều năm. Đối với anh Lê Văn G vắng mặt và cũng không có ý kiến yêu cầu được đoàn tụ lại với chị L. Xét thấy qua lời khai của đương sự và các tài liệu,

chứng cứ đương sự cung cấp đã thể hiện về tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh G có nhiều mâu thuẫn do không có sự quan tâm, yêu thương, chăm sóc, G đỡ nhau, anh G và chị L không còn chung sống với nhau từ năm 2022. Từ đó, xét thấy hôn nhân giữa chị L và anh G đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị L được ly hôn với anh G.

[3] Về con chung: Chị L và anh G có 03 người con chung tên Lê Thị Cẩm T, sinh ngày 16/12/2003; Lê Thị Cẩm Ng, sinh ngày 13/7/2006 và Lê Phú Qu, sinh ngày 13/01/2008. Hiện nay anh G là người trực tiếp nuôi con tên Lê Phú Qu, đồng thời Lê Phú Qu cũng có nguyện vọng sống với anh Lê Văn G. Do đó, để đảm bảo sự ổn định và phát triển bình thường của con chưa thành niên, xét thấy cần giao Lê Phú Qu, cho anh G tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế và nguyện vọng của Lê Phú Qu. Đối với Lê Thị Cẩm T, Lê Thị Cẩm Ng đã thành niên nên không xem xét giải quyết.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Theo quy định tại Điều 82 luật Hôn nhân và gia đình thì việc cha, mẹ không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Do đó việc chị L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con với số tiền 2.000.000đồng/tháng, phương thức cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 17/12/2025 đến khi Lê Phú Qu đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần ghi nhận.

[5] Về tài sản chung: Chị L và anh G không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

Về nợ chung: Chị L khai chị L và anh G không có thiếu nợ ai và không ai thiếu nợ chị L, anh G nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xét thấy cần buộc chị Lê Thị Trúc L phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Trúc L.

Về hôn nhân: Chị Lê Thị Trúc L được ly hôn với anh Lê Văn G.

Về con chung: Giao con chung của chị L và anh G tên Lê Phú Qu, sinh ngày 13/01/2008 cho anh Lê Văn G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, phù hợp với nguyện vọng của Lê Phú Qu.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lê Thị Trúc L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tên Lê Phú Qu với số tiền 2.000.000 đồng/tháng, phương thức cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 17/12/2025 đến khi Lê Phú Quí đủ 18 tuổi.

Sau khi L hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

Về tài sản chung: Chị L và anh G không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

Về nợ chung phải thu, phải trả: Chị L khai chị và anh G không có thiếu nợ ai và không ai thiếu nợ chị L, anh G nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Chị Lê Thị Trúc L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0003166 ngày 25 tháng 9 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Chị L còn phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được Tòa án giao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để xin Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử theo trình tự phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 11 – Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- UBND xã Nhị L, tỉnh Vĩnh Long;
- Đương sự;
- Lưu HS,VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thanh Tùng